

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

---

Hà Nội - Tháng 8 năm 2024

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 48

## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét.

#### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long chuyển đổi hình thức sở hữu sang Tổng Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 08 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Quốc tế: Thang Long Joint Stock Corporation.

Tên viết tắt: TLG.

Vốn điều lệ theo Giấy Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 19/08/2021 là: 419.080.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười chín tỷ không trăm tám mươi triệu đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ giao dịch: Tầng 5 Tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với mã TTL.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 09/5/2024)
Ông Nguyễn Đại Thụ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 09/5/2024)
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09/5/2024)
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09/5/2024)

##### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Minh Tú	Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 09/5/2024)
Ông Bùi Quang Tùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 09/5/2024)
Ông Ngô Tiến Đạt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09/5/2024)
Bà Nguyễn Thị Đức Vinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09/5/2024)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Việt Hà	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Văn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Hồng Nhung	Phó Tổng Giám đốc

## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2024

Số: 280/2024/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Thăng Long - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP được lập ngày 07/8/2024, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 5.5 và 5.19 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả đến việc ghi nhận nợ phải trả cho Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo kết luận tại Bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và ghi nhận nợ phải thu các nhà thầu phụ về trách nhiệm bồi thường cho Tổng Công ty do thi công không đảm bảo chất lượng công trình liên quan đến kết luận của Bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu trên.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.5 và 5.8 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tại Công ty con là Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh, đến ngày 30/6/2024 Công ty đang ghi nhận phần vốn góp của chủ sở hữu của dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh theo hình thức hợp đồng BOT (Dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 1) số tiền 47.183.000.000 đồng; Tài sản đầu tư của Dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 1 với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 161.774.504.871 đồng và 0 đồng; Phần Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 30/6/2024 của Công ty con Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh là 11.603.340.699 đồng bao gồm cả lợi nhuận của dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh theo hình thức hợp đồng BOT (giai đoạn 1) và dự án xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ Cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức BOT (giai đoạn 2). Dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 1 chưa được quyết toán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, làm cơ sở quyết toán vốn cho Nhà đầu tư bàn giao tài sản của dự án cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, giá trị các khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của giai đoạn 1 có thể bị ảnh hưởng khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Kết luận soát xét của chúng tôi không ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo soát xét ngày 24/8/2023 đưa ra kết luận soát xét chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=100+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2.173.409.531.901</b>	<b>2.421.160.543.013</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>96.689.091.501</b>	<b>317.942.876.759</b>
1. Tiền	111		96.689.091.501	185.942.876.759
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	132.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>58.210.229.818</b>	<b>61.210.229.818</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		58.210.229.818	61.210.229.818
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.200.045.636.307</b>	<b>1.221.479.574.584</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	432.961.988.029	424.890.511.455
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	737.888.767.554	789.596.344.545
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	193.670.571.571	171.468.409.431
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(164.475.690.847)	(164.475.690.847)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>705.380.545.723</b>	<b>711.910.929.198</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	705.380.545.723	711.910.929.198
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>113.084.028.552</b>	<b>108.616.932.654</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	279.006.819	126.316.995
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		77.295.598.674	78.330.755.143
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	35.509.423.059	30.159.860.516
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>347.897.371.994</b>	<b>396.899.346.606</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>123.960.000</b>	<b>356.460.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	123.960.000	356.460.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>292.324.188.240</b>	<b>338.486.992.658</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	284.916.523.809	328.271.183.968
- Nguyên giá	222		858.497.268.323	858.444.909.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(573.580.744.514)	(530.173.725.655)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	2.103.289.431	4.911.433.690
- Nguyên giá	225		2.407.580.909	6.634.853.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(304.291.478)	(1.723.419.946)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	5.304.375.000	5.304.375.000
- Nguyên giá	228		5.529.845.000	5.529.845.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(225.470.000)	(225.470.000)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>191.880.921</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	-	191.880.921
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>48.155.045.515</b>	<b>44.882.425.019</b>
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	5.13	24.333.977.176	21.061.356.680
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.13	3.821.068.339	3.821.068.339
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.294.178.239</b>	<b>12.981.588.008</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	7.294.178.239	12.981.588.008
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.521.306.903.895</b>	<b>2.818.059.889.619</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.880.320.195.596</b>	<b>2.182.979.723.927</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.823.581.786.142</b>	<b>2.105.609.596.583</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	385.093.506.828	415.882.568.989
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	494.269.233.083	759.413.526.385
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	3.658.813.548	4.138.595.815
4. Phải trả người lao động	314		7.374.282.816	13.888.835.808
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	44.095.213.322	67.433.357.202
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	1.970.871.818	1.767.396.107
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	131.882.004.409	115.795.707.463
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	754.244.398.304	726.258.096.959
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		993.462.014	1.031.511.855
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>56.738.409.454</b>	<b>77.370.127.344</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	16.312.431.049	16.312.431.049
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	40.425.978.405	61.057.696.295
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> <b>(400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>640.986.708.299</b>	<b>635.080.165.692</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>640.986.708.299</b>	<b>635.080.165.692</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		419.080.000.000	419.080.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>419.080.000.000</i>	<i>419.080.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		52.625.676.545	52.625.676.545
4. Cổ phiếu quỹ	415		(543.000.000)	(543.000.000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		173.741.189	218.518.286
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.954.816.575	24.954.816.575
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.979.507.366	54.328.575.554
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>54.284.667.403</i>	<i>30.720.065.161</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>2.694.839.963</i>	<i>23.608.510.393</i>
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		87.715.966.624	84.415.578.732
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.521.306.903.895</b>	<b>2.818.059.889.619</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Minh Hằng

Nguyễn Thị Dịu



Nguyễn Việt Hà



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết	Cho kỳ kế toán kết
			thức ngày 30/6/2024	thức ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	831.524.440.162	722.333.798.497
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	831.524.440.162	722.333.798.497
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	767.289.627.385	646.714.157.099
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		64.234.812.777	75.619.641.398
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.286.819.161	6.520.728.611
7. Chi phí tài chính	22	6.4	32.193.925.163	35.145.710.819
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		32.193.925.163	35.003.921.692
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.272.620.496	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	49.762.172	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	31.249.215.148	30.457.650.479
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		7.301.349.951	16.537.008.711
12. Thu nhập khác	31	6.6	2.620.665.053	596.852.928
13. Chi phí khác	32	6.6	2.822.101.834	245.337.968
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(201.436.781)	351.514.960
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.099.913.170	16.888.523.671
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	929.684.152	1.869.530.893
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.170.229.018	15.018.992.778
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.694.839.963	11.638.007.882
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.475.389.055	3.380.984.896
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	64	278

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Minh Hằng



Nguyễn Thị Dịu



Nguyễn Việt Hà

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết	Cho kỳ kế toán kết
			thức ngày 30/6/2024	thức ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.099.913.170	16.888.523.671
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		43.694.962.721	29.380.381.199
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.305.393.571)	(5.054.386.439)
- Chi phí lãi vay	06		32.193.925.163	35.003.921.692
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		78.683.407.483	76.218.440.123
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.294.300.717	(161.138.392.685)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.530.383.475	(167.230.918.726)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(311.013.963.598)	64.813.180.869
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.534.719.945	4.311.982.492
- Tiền lãi vay đã trả	14		(30.125.887.026)	(34.116.548.061)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.804.198.870)	(2.439.782.702)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(45.700.000)	(601.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(234.946.937.874)	(220.183.538.690)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.250.000)	(3.664.236.977)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.300.000.000	728.556.669
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(16.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	500.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	13.170.550.104
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.236.819.161	4.483.750.705
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.513.569.161	(1.281.379.499)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		593.927.041.530	627.835.462.629
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(585.574.281.853)	(497.041.814.672)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(998.176.222)	(445.479.792)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(175.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.179.583.455	130.348.168.165
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(221.253.785.258)	(91.116.750.024)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	317.942.876.759	162.595.088.716
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(15.344.496)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	96.689.091.501	71.462.994.196

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Minh Hằng

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Diệu

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Việt Hà

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Tổng Công ty cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long chuyển đổi hình thức sở hữu sang Tổng Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 08 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên tiếng anh: Thang Long Joint Stock Corporation.

Tên viết tắt: TLG.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 19/8/2021 là: 419.080.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười chín tỷ không trăm tám mươi triệu đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ giao dịch: Tầng 5 Tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với mã TTL.

Số lao động tại ngày 30/6/2024 của Tổng Công ty và Công ty con là 328 người (Tại ngày 31/12/2023 là 314 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ kế toán bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

**1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là xây dựng. Do đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty phụ thuộc vào thời gian thực hiện hợp đồng với chủ đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty đầu tư vào Công ty con và các Công ty liên kết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỉ lệ góp vốn</u>	<u>Tỉ lệ lợi ích</u>	<u>Tỉ lệ biểu quyết</u>
<b>Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Hà Nội	Thi công xây dựng	82,65%	82,65%	82,65%
Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Hà Nội	Thi công xây dựng	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Hung Yên	Đầu tư xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao công trình cầu, đường bộ	(*)	(*)	(*)
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty TNHH BOT Đường 188	Hải Dương	Đầu tư xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao công trình cầu, đường bộ	(**)	(**)	(**)

(\*): Tổng Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh - Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng Công ty Thăng Long - CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 5 năm 2002. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 49,41%.

Theo Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (Hợp đồng BOT) về dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao vệt vòng giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 27 tháng 2 năm 2015. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 70%.

(\*\*): Theo Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao về dự án Đường 188 đoạn An Thái - Mạo Khê giữa Sở giao thông vận tải Hải Dương và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 17.884.300.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 22,03%.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30/6/2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong kỳ kế toán được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty đã được soát xét và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con của Tổng Công ty đã soát xét là Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long, Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long, Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư vào Tổng Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác**

Các khoản đầu tư vào Tổng Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Các khoản đầu tư khác:** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao trong thời gian 32 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm lập Báo cáo.

**Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành là 20%.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành
- Chi phí lãi vay

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (*bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (*bộ phận theo khu vực địa lý*) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thi công xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.046.134.768	1.587.540.910
Tiền gửi ngân hàng	95.642.956.733	184.355.335.849
Các khoản tương đương tiền	-	132.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (i)	-	132.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>96.689.091.501</b>	<b>317.942.876.759</b>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng với lãi suất từ 2,1%/năm đến 3,6%/năm.

**5.2. Đầu tư tài chính**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>58.210.229.818</b>	<b>58.210.229.818</b>	<b>61.210.229.818</b>	<b>61.210.229.818</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	58.210.229.818	58.210.229.818	61.210.229.818	61.210.229.818
<b>Dài hạn</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>78.210.229.818</b>	<b>78.210.229.818</b>	<b>81.210.229.818</b>	<b>81.210.229.818</b>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,4%/năm đến 5,2%/năm, được dùng để bảo đảm cho khoản vay của Tổng Công ty và các Công ty con tại các ngân hàng (chi tiết tại thuyết minh số 5.20).

(ii) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,4%/năm đến 7,5%/năm, được dùng để bảo đảm cho khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con tại các ngân hàng (chi tiết tại thuyết minh số 5.20).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>432.961.988.029</b>	<b>424.890.511.455</b>
- Phải thu của khách hàng lĩnh vực xây dựng	376.319.011.304	397.770.744.860
<i>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông TP Hà Nội (Tên cũ Ban quản lý dự án hạ tầng Tà Ngạn)</i>	42.216.193.562	42.216.193.562
<i>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng</i>	35.522.397.181	35.522.397.181
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	298.580.420.561	320.032.154.117
- Phải thu của khách hàng lĩnh vực khác	56.642.976.725	27.119.766.595
<b>Tổng</b>	<b>432.961.988.029</b>	<b>424.890.511.455</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	2.674.383.661	154.263.575

**5.4. Trả trước cho người bán**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
- Trả trước cho người bán lĩnh vực xây dựng	675.164.863.730	725.090.287.427
<i>Công ty cổ phần xây dựng số 12 Thăng Long</i>	61.350.798.446	61.350.798.446
<i>Công ty cổ phần xây dựng số 9</i>	22.419.293.369	20.913.990.276
<i>Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng TNG</i>	59.631.400.502	61.664.197.230
<i>Các đối tượng khác</i>	531.763.371.413	581.161.301.475
- Trả trước cho người bán lĩnh vực khác	62.723.903.824	64.506.057.118
<i>Công ty cổ phần xây dựng số 9</i>	57.684.088.924	59.388.847.162
<i>Các đối tượng khác</i>	5.039.814.900	5.117.209.956
<b>Tổng</b>	<b>737.888.767.554</b>	<b>789.596.344.545</b>
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	139.734.782.795	141.967.034.668

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>193.670.571.571</b>	<b>(1.487.804.059)</b>	<b>171.468.409.431</b>	<b>(1.487.804.059)</b>
Ký cược, ký quỹ	1.885.106.404	-	2.550.106.404	-
Tạm ứng	98.838.172.678	-	86.796.447.384	-
Phải thu khác	92.947.292.489	-	82.121.855.643	-
<i>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	<i>10.082.626.919</i>	<i>-</i>	<i>10.082.626.919</i>	<i>-</i>
<i>Ban điều hành dự án</i>	<i>9.116.649.702</i>	<i>-</i>	<i>9.547.208.667</i>	<i>-</i>
<i>Lãi dự thu</i>	<i>625.064.174</i>	<i>-</i>	<i>2.665.711.217</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 (i)</i>	<i>38.699.334.444</i>	<i>-</i>	<i>34.649.334.444</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu trách nhiệm bồi thường theo Bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội (ii)</i>	<i>14.710.731.300</i>	<i>-</i>	<i>14.710.731.300</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>19.712.885.950</i>	<i>(1.487.804.059)</i>	<i>10.466.243.096</i>	<i>(1.487.804.059)</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>123.960.000</b>	<b>-</b>	<b>356.460.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	123.960.000	-	356.460.000	-
<b>Tổng</b>	<b>193.794.531.571</b>	<b>(1.487.804.059)</b>	<b>171.824.869.431</b>	<b>(1.487.804.059)</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>720.943.751</i>	<i>-</i>	<i>720.943.751</i>	<i>-</i>

(i): Khoản tiền hoàn vốn và lợi nhuận Công ty TNHH BOT Yên Lệnh đã chi cho Nhà đầu tư thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh theo phương thức BOT (Dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 1). Công ty đã hoàn tất thời gian thu phí cho giai đoạn 1 nhưng chưa thực hiện quyết toán hợp đồng BOT giai đoạn 1 của Dự án và hiện vẫn đang được Bộ Giao thông vận tải giao cho Công ty quản lý và bảo trì.

(ii): Theo Bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội liên quan đến trách nhiệm của các nhà thầu thi công các hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng theo quy định của gói thầu số 4 Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi giai đoạn từ tháng 07/2014 đến tháng 7/2017, tại mục trách nhiệm bồi thường, Tổng Công ty với tư cách là nhà thầu phải bồi thường cho Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Căn cứ bản án nêu trên, Tổng Công ty đã ghi nhận nợ phải trả Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng (chi tiết tại thuyết minh số 5.19). Đồng thời, căn cứ theo các hợp đồng ký kết giữa Tổng Công ty với các nhà thầu phụ để thực hiện gói thầu số 4, Tổng Công ty đang tạm thời xác định các nhà thầu phụ có trách nhiệm bồi thường cho Tổng Công ty do thi công không đảm bảo chất lượng công trình theo quy định. Ngày 05/9/2023, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội có Quyết định số 174/QĐ-CCTHADS về việc khấu trừ số tiền 18.556.130.948 đồng trong tài khoản số 1462201022200 của Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam để thi hành án. Số tiền còn lại thực hiện một phần bằng công nợ giữa Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.6. Nợ xấu**

	30/6/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
<i>Công nợ trả trước cho người bán</i>	<i>148.372.933.389</i>	<i>(148.060.494.814)</i>	<i>312.438.575</i>	<i>148.372.933.389</i>	<i>(148.060.494.814)</i>	<i>312.438.575</i>
- Công ty CPXD số 2 Thăng Long	11.854.196.384	(11.736.045.411)	118.150.973	11.854.196.384	(11.736.045.411)	118.150.973
- Công ty CPXD số 8 Thăng Long	35.587.816.315	(35.587.816.315)	-	35.587.816.315	(35.587.816.315)	-
- Công ty CPXD số 12 Thăng Long	61.170.471.443	(61.170.471.443)	-	61.170.471.443	(61.170.471.443)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng Vũ	17.649.396.088	(17.649.396.088)	-	17.649.396.088	(17.649.396.088)	-
- Công ty CPXD số mười bảy Thăng Long	14.855.926.944	(14.661.639.342)	194.287.602	14.855.926.944	(14.661.639.342)	194.287.602
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	7.067.562.295	(7.067.562.295)	-	7.067.562.295	(7.067.562.295)	-
- Công ty Cổ phần Bê Tông và XD Thăng Long	187.563.920	(187.563.920)	-	187.563.920	(187.563.920)	-
<i>Công nợ phải thu của khách hàng</i>	<i>15.193.327.682</i>	<i>(14.927.391.974)</i>	<i>265.935.708</i>	<i>15.193.327.682</i>	<i>(14.927.391.974)</i>	<i>265.935.708</i>
- Công ty CPXD số 2 Thăng Long	1.840.430.981	(1.574.495.273)	265.935.708	1.840.430.981	(1.574.495.273)	265.935.708
- Công ty CPXD số 12 Thăng Long	7.197.552.325	(7.197.552.325)	-	7.197.552.325	(7.197.552.325)	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	2.635.052.753	(2.635.052.753)	-	2.635.052.753	(2.635.052.753)	-
- Công ty Cổ phần công trình 798	659.499.850	(659.499.850)	-	659.499.850	(659.499.850)	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật & Xây dựng Namkwang Hàn Quốc - VPĐHDA EX10	1.261.250.287	(1.261.250.287)	-	1.261.250.287	(1.261.250.287)	-
- Các đối tượng khác	1.599.541.486	(1.599.541.486)	-	1.599.541.486	(1.599.541.486)	-
<i>Công nợ phải thu khác</i>	<i>1.487.804.059</i>	<i>(1.487.804.059)</i>	-	<i>1.487.804.059</i>	<i>(1.487.804.059)</i>	-
- Công ty CPXD số mười bảy Thăng Long	1.241.961.126	(1.241.961.126)	-	1.241.961.126	(1.241.961.126)	-
- Các đối tượng khác	245.842.933	(245.842.933)	-	245.842.933	(245.842.933)	-
<b>Tổng</b>	<b>165.054.065.130</b>	<b>(164.475.690.847)</b>	<b>578.374.283</b>	<b>165.054.065.130</b>	<b>(164.475.690.847)</b>	<b>578.374.283</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.7. Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.552.805.013	-	4.925.173.038	-
Công cụ, dụng cụ	170.736.760	-	411.108.410	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	697.801.078.726	-	704.468.495.175	-
Hàng hóa	3.855.925.224	-	2.106.152.575	-
<b>Tổng</b>	<b>705.380.545.723</b>	<b>-</b>	<b>711.910.929.198</b>	<b>-</b>

**5.8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>279.006.819</b>	<b>126.316.995</b>
Công cụ dụng cụ	269.279.319	97.134.495
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	9.727.500	29.182.500
<b>Dài hạn</b>	<b>7.294.178.239</b>	<b>12.981.588.008</b>
Công cụ dụng cụ	3.826.333.028	7.656.503.819
Chi phí trùng tu	2.154.935.393	3.016.909.547
Chi phí quản lý dự án (i)	429.683.377	515.620.051
Chi phí trả trước dài hạn khác	883.226.441	1.792.554.591
<b>Tổng</b>	<b>7.573.185.058</b>	<b>13.107.905.003</b>

(i): Khoản chi phí quản lý dự án là khoản chi vượt định mức theo quy định từ Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ Cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức BOT - Giai đoạn 2 (dự kiến thời gian thu phí đến hết ngày 09/12/2026 theo Phụ lục số 05/PLHD.BOT-BGTVT ngày 26/7/2018). Công ty đang thực hiện phân bổ chi phí trên căn cứ vào thời gian hoàn vốn còn lại của Dự án.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**  
Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định dự án B.O.T	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2024	53.408.410.226	118.758.702.656	19.803.277.325	2.534.309.996	663.940.209.420	858.444.909.623
Tăng trong kỳ	-	4.281.047.727	21.833.700	-	-	4.302.881.427
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	4.250.522.727	-	-	-	4.250.522.727
Tăng khác (i)	-	30.525.000	21.833.700	-	-	52.358.700
Giảm trong kỳ	-	4.250.522.727	-	-	-	4.250.522.727
Thanh lý, nhượng bán	-	4.250.522.727	-	-	-	4.250.522.727
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>53.408.410.226</b>	<b>118.789.227.656</b>	<b>19.825.111.025</b>	<b>2.534.309.996</b>	<b>663.940.209.420</b>	<b>858.497.268.323</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2024	36.477.425.240	89.758.470.963	15.782.729.076	2.227.266.364	385.927.834.012	530.173.725.655
Tăng trong kỳ	521.067.102	4.770.176.206	449.783.531	51.583.030	39.360.885.631	45.153.495.500
Khấu hao trong kỳ	521.067.102	3.048.382.389	430.468.488	51.583.030	39.360.885.631	43.412.386.640
Tăng khác (i)	-	20.089.268	19.315.043	-	-	39.404.311
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	1.701.704.549	-	-	-	1.701.704.549
Giảm trong kỳ	-	1.746.476.641	-	-	-	1.746.476.641
Thanh lý, nhượng bán	-	1.746.476.641	-	-	-	1.746.476.641
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>36.998.492.342</b>	<b>92.782.170.528</b>	<b>16.232.512.607</b>	<b>2.278.849.394</b>	<b>425.288.719.643</b>	<b>573.580.744.514</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2024	16.930.984.986	29.000.231.693	4.020.548.249	307.043.632	278.012.375.408	328.271.183.968
Tại 30/6/2024	16.409.917.884	26.007.057.128	3.592.598.418	255.460.602	238.651.489.777	284.916.523.809



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

(i) Tăng khác là quy đổi ngoại tệ theo tỷ giá các tài sản của Chi nhánh Campuchia.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 262.946.990.682 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 280.009.776.832 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 258.530.456.206 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 350.780.303.196 đồng).

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh theo phương thức BOT (Dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 1) (Hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (B.O.T) số 52002/GTVT-KHĐT ngày 11/02/2002 và các phụ lục hợp đồng kèm theo) lần lượt là 161.774.504.871 đồng và 0 đồng. Thời gian thu phí cho dự án xây dựng cầu Yên Lệnh dự kiến là từ ngày 01/3/2005 đến hết ngày 02/9/2019. Công ty đã hoàn tất thời gian thu phí hoàn vốn cho giai đoạn 1 nhưng chưa thực hiện quyết toán hợp đồng BOT giai đoạn 1 của Dự án và hiện vẫn đang được Bộ Giao thông vận tải giao cho Công ty quản lý và bảo trì.

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định thuộc Dự án xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ Cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức BOT (Dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 2) lần lượt là 523.084.656.566 đồng và 247.546.974.679 đồng. Công ty đang thực hiện thu phí hoàn vốn cho dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 2, dự kiến đến ngày 09 tháng 12 năm 2026.

**5.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2024	4.227.272.727	2.407.580.909	6.634.853.636
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	4.227.272.727	-	4.227.272.727
Mua lại tài sản thuê tài chính	4.227.272.727	-	4.227.272.727
Số dư tại 30/6/2024	-	2.407.580.909	2.407.580.909
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2024	1.569.602.276	153.817.670	1.723.419.946
Tăng trong kỳ	132.102.273	150.473.808	282.576.081
Khấu hao trong kỳ	132.102.273	150.473.808	282.576.081
Giảm trong kỳ	1.701.704.549	-	1.701.704.549
Mua lại tài sản thuê tài chính	1.701.704.549	-	1.701.704.549
Số dư tại 30/6/2024	-	304.291.478	304.291.478
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2024	2.657.670.451	2.253.763.239	4.911.433.690
Tại 30/6/2024	-	2.103.289.431	2.103.289.431

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất (*)	TSCĐ vô hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2024	5.304.375.000	225.470.000	5.529.845.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>5.304.375.000</u>	<u>225.470.000</u>	<u>5.529.845.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2024	-	225.470.000	225.470.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>-</u>	<u>225.470.000</u>	<u>225.470.000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2024	<u>5.304.375.000</u>	-	<u>5.304.375.000</u>
Tại 30/6/2024	<u>5.304.375.000</u>	-	<u>5.304.375.000</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 225.470.000 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 225.470.000 đồng)

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài thừa đất số 260, tờ bản đồ số 10-E tại Bùi Trám, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với diện tích 6.900 m<sup>2</sup> (trong đó đất ở là 400 m<sup>2</sup> và đất vườn là 6.500 m<sup>2</sup>). Tổng Công ty nhận chuyển nhượng từ Ông Nguyễn Văn Viêm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại ngày 12 tháng 03 năm 2020. Quyền sử dụng đất đang được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế.

**5.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Sản xuất ống vách Dự án cầu tổ hợp -kênh đào	-	-	191.880.921	-
<b>Tổng</b>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>191.880.921</u>	<u>-</u>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		30/6/2024			01/01/2024		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			17.844.300.000	24.333.977.176	-	17.844.300.000	21.061.356.680	-
Công ty TNHH BOT đường 188	22,0%	22,0%	17.844.300.000	24.333.977.176	-	17.844.300.000	21.061.356.680	-
<b>Tổng</b>			<b>17.844.300.000</b>	<b>24.333.977.176</b>		<b>17.844.300.000</b>	<b>21.061.356.680</b>	
	Tỷ lệ		30/6/2024			01/01/2024		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư dài hạn khác			3.821.068.339	-	(i)	3.821.068.339	-	(i)
Công ty CP Xây dựng số 16 Thăng Long	16,2%	16,2%	1.807.850.307	-	(i)	1.807.850.307	-	(i)
Công ty CP Xây dựng số 15 Thăng Long	16,9%	16,9%	300.000.000	-	(i)	300.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	15,0%	15,0%	1.713.218.032	-	(i)	1.713.218.032	-	(i)
<b>Tổng</b>			<b>3.821.068.339</b>	<b>-</b>	<b>(i)</b>	<b>3.821.068.339</b>	<b>-</b>	<b>(i)</b>

(i): Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.14 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>385.093.506.828</b>	<b>385.093.506.828</b>	<b>415.882.568.989</b>	<b>415.882.568.989</b>
Phải trả người bán lĩnh vực xây dựng	365.681.352.480	365.681.352.480	396.044.425.644	396.044.425.644
<i>Công ty CP Thương mại tư vấn và xây dựng Vinh Hưng</i>	<i>18.688.082.495</i>	<i>18.688.082.495</i>	<i>19.947.208.939</i>	<i>19.947.208.939</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>346.993.269.985</i>	<i>346.993.269.985</i>	<i>376.097.216.705</i>	<i>376.097.216.705</i>
Phải trả người bán lĩnh vực khác	19.412.154.348	19.412.154.348	19.838.143.345	19.838.143.345
<b>Tổng</b>	<b>385.093.506.828</b>	<b>385.093.506.828</b>	<b>415.882.568.989</b>	<b>415.882.568.989</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>25.000.000</i>	<i>25.000.000</i>	<i>346.602.807</i>	<i>346.602.807</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

**5.15 Người mua ứng tiền trước ngắn hạn**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Người mua trả tiền trước lĩnh vực xây dựng	494.098.084.338	696.007.172.620
<i>Ban quản lý dự án 7</i>	<i>86.010.649.734</i>	<i>105.879.341.285</i>
<i>Ban quản lý dự án 85</i>	<i>291.488.271.400</i>	<i>382.899.530.400</i>
<i>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh</i>	<i>10.334.380.000</i>	<i>82.834.953.000</i>
<i>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam</i>	<i>54.848.375.456</i>	<i>76.805.582.982</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>51.416.407.748</i>	<i>47.587.764.953</i>
- Người mua trả tiền trước lĩnh vực khác	171.148.745	63.406.353.765
<b>Tổng</b>	<b>494.269.233.083</b>	<b>759.413.526.385</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
<b>Phải nộp</b>	<b>4.138.595.815</b>	<b>71.412.877.196</b>	<b>71.892.659.463</b>	<b>3.658.813.548</b>
Thuế giá trị gia tăng	664.901.753	67.588.465.179	67.414.555.621	838.811.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.901.234.717	965.943.307	1.635.049.533	2.232.128.491
Thuế thu nhập cá nhân	348.279.206	803.655.559	792.934.535	359.000.230
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	16.497.301	2.038.246.780	2.037.871.688	16.872.393
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	207.682.838	16.566.371	12.248.086	212.001.123
<b>Phải thu</b>	<b>30.159.860.516</b>	<b>5.358.284.619</b>	<b>10.707.847.162</b>	<b>35.509.423.059</b>
Thuế giá trị gia tăng	30.150.184.474	5.249.931.019	10.440.020.267	35.340.273.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	169.149.337	169.149.337
Thuế thu nhập cá nhân	9.676.042	108.353.600	98.677.558	-

**5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>44.095.213.322</b>	<b>67.433.357.202</b>
- Chi phí lãi vay	2.208.820.620	140.782.483
- Trích trước chi phí thi công công trình	41.630.447.515	66.288.190.870
- Các khoản khác	255.945.187	1.004.383.849
<b>Tổng</b>	<b>44.095.213.322</b>	<b>67.433.357.202</b>

**5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.970.871.818</b>	<b>1.767.396.107</b>
Doanh thu nhận trước	1.970.871.818	1.767.396.107
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>1.970.871.818</b>	<b>1.767.396.107</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.19 Phải trả khác**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>131.882.004.409</b>	<b>115.795.707.463</b>
Kinh phí công đoàn	601.645.319	615.136.033
Bảo hiểm xã hội	452.299.436	869.810.187
Bảo hiểm y tế	22.334.200	24.245.300
Bảo hiểm thất nghiệp	9.929.600	10.778.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	130.795.795.854	114.275.737.743
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>963.161.680</i>	<i>613.161.680</i>
<i>Đội thi công công trình</i>	<i>62.224.007.292</i>	<i>64.743.955.870</i>
<i>Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV (i)</i>	<i>14.710.731.300</i>	<i>14.710.731.300</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>52.897.895.582</i>	<i>34.207.888.893</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>16.312.431.049</b>	<b>16.312.431.049</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	1.459.382.000	1.459.382.000
Phải trả dài hạn khác	14.853.049.049	14.853.049.049
<i>Công ty TNHH BOT đường 188 (ii)</i>	<i>14.853.049.049</i>	<i>14.853.049.049</i>
<b>Tổng</b>	<b>148.194.435.458</b>	<b>132.108.138.512</b>
<i>Trong đó: Phải trả các bên liên quan</i>	<i>14.853.049.049</i>	<i>14.853.049.049</i>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>		

(i) Theo Bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội liên quan đến trách nhiệm của các nhà thầu thi công các hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng theo quy định của gói thầu số 4 Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi giai đoạn từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2017, tại mục trách nhiệm bồi thường, Tổng Công ty với tư cách là nhà thầu phải bồi thường cho Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Căn cứ bản án nêu trên, Tổng Công ty đã ghi nhận nợ phải trả Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Đồng thời, căn cứ theo các hợp đồng ký kết giữa Tổng Công ty với các nhà thầu phụ để thực hiện gói thầu số 4, Tổng Công ty đang tạm thời xác định các nhà thầu phụ có trách nhiệm bồi thường cho Tổng Công ty do thi công không đảm bảo chất lượng công trình theo quy định. Ngày 05/9/2023, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội có Quyết định số 174/QĐ-CCTHADS về việc khấu trừ số tiền 18.556.130.948 đồng trong tài khoản số 1462201022200 của Tổng Công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam để thi hành án. Số tiền còn lại thực hiện một phần bằng công nợ giữa Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.

(ii) Tiền thu hoàn vốn đầu tư của các dự án BOT đường 188 chờ quyết toán với các đối tác trong dự án BOT và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.20 Vay và nợ tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>754.244.398.304</b>	<b>754.244.398.304</b>	<b>614.558.759.420</b>	<b>586.572.458.075</b>	<b>726.258.096.959</b>	<b>726.258.096.959</b>
Vay ngắn hạn các ngân hàng	636.742.179.897	636.742.179.897	584.562.595.065	557.540.740.185	609.720.325.017	609.720.325.017
Vay dài hạn đến hạn trả	57.246.722.832	57.246.722.832	29.031.717.890	29.031.717.890	57.246.722.832	57.246.722.832
<i>Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả</i>	<i>56.067.083.336</i>	<i>56.067.083.336</i>	<i>28.033.541.668</i>	<i>28.033.541.668</i>	<i>56.067.083.336</i>	<i>56.067.083.336</i>
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.179.639.496</i>	<i>1.179.639.496</i>	<i>998.176.222</i>	<i>998.176.222</i>	<i>1.179.639.496</i>	<i>1.179.639.496</i>
Vay đối tượng khác	60.255.495.575	60.255.495.575	964.446.465	-	59.291.049.110	59.291.049.110
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>40.425.978.405</b>	<b>40.425.978.405</b>	<b>8.400.000.000</b>	<b>29.031.717.890</b>	<b>61.057.696.295</b>	<b>61.057.696.295</b>
Vay dài hạn ngân hàng và các tổ chức	40.153.911.722	40.153.911.722	8.400.000.000	28.033.541.668	59.787.453.390	59.787.453.390
Nợ thuê tài chính	272.066.683	272.066.683	-	998.176.222	1.270.242.905	1.270.242.905
<b>Tổng</b>	<b>794.670.376.709</b>	<b>794.670.376.709</b>	<b>622.958.759.420</b>	<b>615.604.175.965</b>	<b>787.315.793.254</b>	<b>787.315.793.254</b>

**c. Nợ thuê tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024			Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội	1.084.189.460	86.013.238	998.176.222	526.699.836	81.220.044	445.479.792
<b>Tổng</b>	<b>1.084.189.460</b>	<b>86.013.238</b>	<b>998.176.222</b>	<b>526.699.836</b>	<b>81.220.044</b>	<b>445.479.792</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.20 Vay và nợ tài chính (Tiếp theo)**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>754.244.398.304</b>	<b>726.258.096.959</b>
<b>Vay ngắn hạn các ngân hàng</b>	<b>636.742.179.897</b>	<b>609.720.325.017</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (1)	176.177.842.200	166.775.043.092
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (2)	10.513.316.215	3.835.663.985
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (3)	318.540.267.367	295.088.449.856
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (4)	14.358.276.145	11.709.661.367
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tây Hồ (5)	74.207.905.738	71.431.211.313
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế (6)	42.944.572.232	60.880.295.404
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>57.246.722.832</b>	<b>57.246.722.832</b>
<b>Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả</b>	<b>56.067.083.336</b>	<b>56.067.083.336</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (7)	1.920.683.336	1.920.683.336
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nghệ An (8)	54.000.000.000	54.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tây Hồ	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế (9)	146.400.000	146.400.000
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.179.639.496</b>	<b>1.179.639.496</b>
<b>Vay đối tượng khác</b>	<b>60.255.495.575</b>	<b>59.291.049.110</b>
Vay cán bộ công nhân viên (10)	58.877.599.407	57.913.152.942
Công ty TNHH liên danh Iisung & Cienco I	1.377.896.168	1.377.896.168
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>40.425.978.405</b>	<b>61.057.696.295</b>
<b>Vay dài hạn ngân hàng và các tổ chức</b>	<b>40.153.911.722</b>	<b>59.787.453.390</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (7)	6.021.311.735	6.981.653.403
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế (9)	73.200.000	146.400.000
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nghệ An (8)	9.819.381.630	36.819.381.630
Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 (11)	24.240.018.357	15.840.018.357
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>272.066.683</b>	<b>1.270.242.905</b>
Nợ thuê tài chính dài hạn (12)	272.066.683	1.270.242.905
<b>Tổng</b>	<b>794.670.376.709</b>	<b>787.315.793.254</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.20 Vay và nợ tài chính (Tiếp theo)**

- (1) Khoản vay theo hợp đồng số 01/2023/161762/HĐTDHM ngày 14/11/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức tín dụng: 1.300.000.000.000 đồng (Trong đó hạn mức cho vay là 300.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh 1000.000.000.000 đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức tối đa đến 31/10/2024, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là các khoản lợi thu được từ khai thác giá trị quyền sử dụng đất tại số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và hợp đồng tiền gửi có lãi suất từ 4,5%/năm đến 7,2%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội;
- (2) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0604/2023/HĐTC ngày 06/06/2023 và các phụ lục hợp đồng kèm theo giữa ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng (cho vay ngắn hạn, bảo lãnh, L/C 24.000.000.000 đồng, bảo lãnh ngân hàng 200.000.000.000 đồng). Thời hạn cấp hạn mức tín dụng hết ngày 31/05/2024, thời hạn cấp tín dụng đối với mỗi khoản tín dụng được xác định theo các văn bản thỏa thuận tín dụng cụ thể. Mục đích cấp tín dụng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh/ phát hành bảo lãnh. Biện pháp đảm bảo không có tài sản đảm bảo.
- (3) Khoản vay theo hợp đồng số 257/2023/HĐTD/NHN ngày 24/11/2023 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức tín dụng không vượt quá 1.500.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay là 500.000.000.000 đồng, hạn mức L/C 500.000.000.000 đôn, hạn mức bảo lãnh 1.000.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng tối đa đến ngày 24/11/2024, thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức không vượt quá tối đa 09 tháng, được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ giữa TPBank và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt khác đã hình thành và hình thành trong tương lai từ các hợp đồng thi công của Tổng Công ty với các chủ đầu tư theo hợp đồng Thế chấp tài sản số 350/2020/HĐBD/NHN/04 ngày 10/11/2021 ký giữa ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, số 262/2022/HĐBD/NHN ký ngày 18/11/2022 giữa TPBank và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, số 131/2023/HĐBH/NHN ký ngày 09/03/2023 giữa TPBank và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP; số 04/2023/HĐBD/NHN ký ngày 09/03/2023 giữa TPBank và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 144/2023/HĐTD/NHN ngày 14 tháng 07 năm 2023 với hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng công trình. Thời hạn cấp tín dụng hạn mức là 12 tháng. Lãi suất vay trong năm 2023 là 10,55%/năm, thời hạn vay được quy định trong từng văn bản nhận nợ cụ thể, tối đa 09 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các Quyền đòi nợ của Công ty .

(4) Khoản vay theo hợp đồng số 23/2321351-CTD/021 ngày 30/6/2024 và các phụ lục hợp đồng kèm theo giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức cấp tín dụng là 250.000.000.000 đồng (trong đó hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng). Mục đích vay là cho vay ngắn hạn tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng tối đa đến ngày 30/09/2024, thời hạn mỗi khoản vay trong hạn mức không vượt quá 09 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng một số tài sản là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Tổng Công ty, quyền tài sản phát sinh từ công xây dựng mà ngân hàng tài trợ cho hoạt động thi công xây dựng.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.20 Vay và nợ tài chính (Tiếp theo)**

(5) Hợp đồng tín dụng số 01/2023/134637/HĐTD ngày 17/11/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ và Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long; Hạn mức cấp tín dụng là 130 tỷ đồng (trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C tối đa là 80 tỷ đồng); Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 17/11/2024; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Lãi suất: được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Tài sản đảm bảo là các tài sản và quyền đòi nợ giá trị khối lượng xây lắp hình thành trong tương lai, cụ thể trong từng hợp đồng thế chấp.

(6) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-16417-01 ngày 11/04/2024 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế và Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long; Hạn mức cấp tín dụng là 100 tỷ đồng (trong đó hạn mức được đảm bảo bằng quyền đòi nợ hình thành trong tương lai tối đa 40 tỷ đồng); Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng này; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ thi công xây dựng; Lãi suất: được xác định theo từng khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa các bên. Tài sản đảm bảo: Thế chấp bằng Bất động sản tại thửa 260, TĐĐ 10-E, Xóm Bùi Trám, Xã Hòa Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1307 ký ngày 20/09/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); Cầm cố bằng toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng theo tài khoản tiền gửi số 230005745 thuộc sở hữu của Công ty mở tại ngân hàng theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 08122020-262889-HĐCC ký ngày 14/12/2020 và các văn bản, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); và thế chấp bằng Quyền đòi nợ phát sinh từ các Hợp đồng thi công,...

(7) Khoản vay theo hợp đồng số 22/2321351-CTD/003 ngày 23/02/2022 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư tài sản cố định theo Hợp đồng mua sắm hàng hóa số 009/2022/HĐMSHH/TLG-TQE ngày 15/02/2022 ký giữa Tổng Công ty Thăng Long-CTCP với Công ty Cổ phần Thiết bị Tín Quang và Hợp đồng mua sắm hàng hóa số 010/2022/HĐMSHH/TLG-BM ngày 15/02/2022 ký giữa Tổng Công ty Thăng Long - CTCP với Công ty Cổ phần Thiết bị Đầu tư Bình Minh. Thời hạn mỗi khoản vay là 72 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo từ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là 10 xe lu theo Hợp đồng thế chấp số 22/2321351- HDTD ngày 23/02/2022.

(8) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng cấp tín dụng số NGA.DN.808.060415 ngày 05/6/2015 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung với hạn mức cho vay là 650.000.000.000 đồng. Số tiền vay khả dụng là 500.000.000.000 đồng, số tiền vay dự phòng là 150.000.000.000 đồng. Khoản vay với mục đích Đầu tư Dự án Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao thông Vực Vòng theo hình thức Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao. Thời hạn giải ngân là 30 tháng kể từ ngày nhận đủ tiền vay lần đầu. Thời hạn cho vay từ ngày Công ty nhận tiền vay lần đầu đến ngày 25/10/2025. Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BOT bao gồm: quyền tiếp nhận dự án, quyền thu phí và các quyền tài sản khác; toàn bộ tài sản khác thuộc Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT, toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 và Tổng Công ty Thăng Long – CTCP trong Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.20 Vay và nợ tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)**

(9) Hợp đồng cho vay số HUE/20093 ngày 30/12/2020 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế và Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long; Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích vay: mua sắm Tài sản cố định; Lãi suất: 8,3%/năm, sau đó điều chỉnh theo quy định của hợp đồng. Tài sản đảm bảo: Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là 2 xe ô tô 5 chỗ hiệu Hyundai có biển số xe lần lượt là 30G - 749.95 và 30G - 748.82.

(10) Khoản vay cá nhân theo các hợp đồng:

- Khoản vay ông Phan Đức Thế theo hợp đồng số 002/2021 ngày 19/5/2021, số tiền vay là 400.000 USD, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2024 là: 400.000 USD.

- Khoản vay ông Nguyễn Anh Văn theo hợp đồng ngày 30/9/2021, số tiền vay là 3.000.000 USD, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2024 là: 1.949.643 USD.

(11) Khoản vay Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 theo Hợp đồng vay số 01/2017/HĐVV/CIENCO4-BOT ngày 26/12/2017 với hạn mức cho vay là 30.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn thanh toán trong quá trình đầu tư khai thác Dự án đầu tư Xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng. Thời hạn cho vay là 08 năm kể từ ngày bên vay rút vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất của Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nghệ An và được nhập gốc 01 lần vào cuối năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm

(12) Khoản nợ thuê tài chính tại Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 21723000240/HĐCTTC ngày 14/6/2023 để thuê tài sản là Xe ô tô con 5 chỗ nhập khẩu VOLVO S90L ULTIMATE - 29LD-04148. Thời hạn thuê là 60 tháng, lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội giải ngân cho bên cung cấp.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.21 Vốn đầu tư của chủ sở hữu****a. Biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	(69.045.917)	24.954.816.575	30.734.967.955	79.036.902.131	605.820.317.289
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	23.608.510.393	5.561.701.183	29.170.211.576
Phân phối trong năm tại Công ty con	-	-	-	-	-	(14.902.794)	(183.024.582)	(197.927.376)
Tăng khác (i)	-	-	-	287.564.203	-	-	-	287.564.203
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>52.625.676.545</b>	<b>(543.000.000)</b>	<b>218.518.286</b>	<b>24.954.816.575</b>	<b>54.328.575.554</b>	<b>84.415.578.732</b>	<b>635.080.165.692</b>
Số dư tại 01/01/2024	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	218.518.286	24.954.816.575	54.328.575.554	84.415.578.732	635.080.165.692
Lãi trong kỳ nay	-	-	-	-	-	2.694.839.963	3.475.389.055	6.170.229.018
Phân phối trong kỳ Công ty con	-	-	-	-	-	(4.972.603)	(177.677.556)	(182.650.159)
Giảm khác (i)	-	-	-	(44.777.097)	-	(38.935.548)	2.676.393	(81.036.252)
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>52.625.676.545</b>	<b>(543.000.000)</b>	<b>173.741.189</b>	<b>24.954.816.575</b>	<b>56.979.507.366</b>	<b>87.715.966.624</b>	<b>640.986.708.299</b>

(i) Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi Báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại Campuchia từ đồng ngoại tệ sang Việt Nam đồng và tăng giảm khác khi hợp nhất.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	209.959.080.000	209.959.080.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	105.000.000.000	105.000.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	104.120.920.000	104.120.920.000
<b>Tổng</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>419.080.000.000</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**  
Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.21 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	419.080.000.000	419.080.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	419.080.000.000	419.080.000.000

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.908.000	41.908.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.908.000	41.908.000
Cổ phiếu phổ thông	41.908.000	41.908.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	54.300	54.300
Cổ phiếu phổ thông	54.300	54.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.853.700	41.853.700
Cổ phiếu phổ thông	41.853.700	41.853.700
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các Quỹ của Tổng Công ty**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	24.954.816.575	24.954.816.575
<b>Tổng</b>	<b>24.954.816.575</b>	<b>24.954.816.575</b>

**5.22 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**

**Ngoại tệ các loại**

	30/6/2024	01/01/2024
USD	13.123,61	13.123,61
JPY	24.109,00	24.109,00

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu hoạt động xây dựng	742.456.239.122	609.873.187.481
Doanh thu thu phí đường bộ dự án BOT	65.507.487.790	52.436.237.290
Doanh thu hoạt động khác	23.560.713.250	60.024.373.726
<b>Tổng</b>	<b>831.524.440.162</b>	<b>722.333.798.497</b>
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>		
	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu hoạt động xây dựng	742.456.239.122	609.873.187.481
Doanh thu thu phí đường bộ dự án BOT	65.507.487.790	52.436.237.290
Doanh thu hoạt động khác	23.560.713.250	60.024.373.726
<b>Tổng</b>	<b>831.524.440.162</b>	<b>722.333.798.497</b>
<i>Trong đó: Doanh thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>2.566.650.253</i>	<i>1.678.650.000</i>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	709.749.940.665	565.720.440.026
Giá vốn thu phí đường bộ dự án BOT	44.776.035.044	30.109.379.792
Giá vốn hoạt động khác	12.763.651.676	50.884.337.281
<b>Tổng</b>	<b>767.289.627.385</b>	<b>646.714.157.099</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.236.819.161	3.285.312.447
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.580.540.879
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lợi nhuận dự án BOT	1.050.000.000	1.654.875.285
<b>Tổng</b>	<b>3.286.819.161</b>	<b>6.520.728.611</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan: (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>-</i>	<i>1.654.875.285</i>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**  
Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	32.193.925.163	35.003.921.692
Lãi chậm thanh toán	-	141.789.127
<b>Tổng</b>	<b>32.193.925.163</b>	<b>35.145.710.819</b>

**6.5 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí bán hàng	49.762.172	-
Chi phí bằng tiền khác	49.762.172	-
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>31.249.215.148</b>	<b>30.457.650.479</b>
Chi phí nhân viên quản lý	15.961.453.695	16.505.429.397
Chi phí vật liệu quản lý	69.360.783	96.979.279
Chi phí đồ dùng văn phòng	226.619.146	313.291.536
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.012.097.205	1.021.666.368
Thuế phí và lệ phí	149.816.311	256.073.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.440.526.809	10.019.821.561
Chi phí bằng tiền khác	8.389.341.199	2.244.389.098
<b>Tổng</b>	<b>31.298.977.320</b>	<b>30.457.650.479</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.300.000.000	114.198.707
- Thu phạt hợp đồng	855.104.399	-
- Lãi chậm thanh toán	-	341.427.467
- Thu nhập từ cho thuê hạ tầng kỹ thuật lắp cáp điện trên Cầu Yên Lệnh	65.454.540	-
- Các khoản khác	400.106.114	141.226.754
<b>Tổng</b>	<b>2.620.665.053</b>	<b>596.852.928</b>
<b>Chi phí khác</b>		
- Chi tiền do phạt vi phạm hợp đồng	26.134.815	154.569.077
- Giá trị còn lại tài sản thanh lý	2.504.046.086	-
- Các khoản bị phạt chậm nộp, lãi chậm nộp	55.047.787	36.412.784
- Chi phí không được trừ	196.581.575	-
- Chi phí khác	40.291.571	54.356.107
<b>Tổng</b>	<b>2.822.101.834</b>	<b>245.337.968</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(201.436.781)</b>	<b>351.514.960</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế	929.684.152	1.869.530.893
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>929.684.152</b>	<b>1.869.530.893</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.170.229.018	15.018.992.778
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	3.475.389.055	3.380.984.896
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<i>Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành, thưởng Ban điều hành</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.694.839.963	11.638.007.882
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	41.853.700	41.853.700
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	64	278

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	298.479.726.621	393.751.790.720
Chi phí nhân công	29.124.679.771	38.634.974.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.694.962.721	29.380.381.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	561.596.380.216	460.739.474.026
Chi phí khác bằng tiền	20.042.972.732	14.997.702.437
<b>Tổng</b>	<b>952.938.722.061</b>	<b>937.504.322.418</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**  
Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Mẫu số B 09a - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Tổng Công ty có các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ
Công ty TNHH BOT Đường 188	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Công ty liên quan của người nội bộ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Giao dịch với cổ đông và nhân sự chủ chốt**

Lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024</u> VND	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023</u> VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Lương và thù lao	2.412.000.000	2.280.444.998

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Giao dịch với cổ đông và nhân sự chủ chốt (Tiếp theo)**

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết	Cho kỳ kế toán kết
		thức ngày 30/6/2024	thức ngày 30/6/2023
		VND	VND
<b>Lương, thù lao HĐQT</b>		<b>780.000.000</b>	<b>720.000.000</b>
Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	270.000.000
Vũ Đức Trung	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Đại Thụ	Thành viên HĐQT	-	60.000.000
Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000
Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	360.000.000	270.000.000
<b>Lương Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>1.236.000.000</b>	<b>1.206.445.000</b>
Nguyễn Hải Vinh	Phó Tổng Giám đốc	288.000.000	322.790.000
Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	288.000.000	216.000.000
Hoàng Thị Hồng Nhung	Phó Tổng Giám đốc	330.000.000	247.500.000
Nguyễn Anh Văn	Phó Tổng Giám đốc	330.000.000	329.755.000
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 17/4/2023)	-	90.400.000
<b>Lương Kế toán trưởng</b>		<b>300.000.000</b>	<b>299.999.998</b>
Nguyễn Thị Dịu	Kế toán trưởng	300.000.000	299.999.998
<b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>		<b>96.000.000</b>	<b>54.000.000</b>
Nguyễn Minh Tú	Trưởng ban Kiểm soát (Bỏ nhiệm ngày 21/4/2023)	25.161.290	12.580.645
Lê Thị Thanh Vân	Trưởng ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 21/4/2023)	-	6.000.000
Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 09/5/2024)	35.419.355	17.709.677
Bùi Quang Tùng	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 09/5/2024)	35.419.355	17.709.678

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2023 VND
<b>Bán hàng</b>			<b>2.566.650.253</b>	<b>1.678.650.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Thi công	2.547.146.884	1.655.449.135
Công ty Cổ phần xây dựng số 9	Công ty liên quan của người nội bộ	Dịch vụ	19.503.369	23.200.865
<b>Mua hàng</b>			<b>122.614.219.731</b>	<b>122.373.049.986</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Xây lắp	110.734.926.046	102.200.562.302
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Công ty liên quan của người nội bộ	Xây lắp	11.879.293.685	20.172.487.684
<b>Doanh thu tài chính</b>			<b>-</b>	<b>1.654.875.285</b>
Công ty TNHH BOT đường 188	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	1.654.875.285

**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			<b>2.674.383.661</b>	<b>154.263.575</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng TNG	Công ty mẹ	Thi công	2.674.383.661	154.263.575
<b>Trả trước cho người bán</b>			<b>139.734.782.795</b>	<b>141.967.034.668</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng TNG	Công ty mẹ	Thi công	59.631.400.502	61.664.197.230
Công ty cổ phần xây dựng số 9	Công ty liên quan của người nội bộ	Thi công và khác	80.103.382.293	80.302.837.438
<b>Phải thu khác</b>			<b>720.943.751</b>	<b>720.943.751</b>
Công ty TNHH BOT đường 188	Công ty liên kết	Phải trả khác	720.943.751	720.943.751
<b>Phải trả người bán</b>			<b>25.000.000</b>	<b>346.602.807</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng TNG	Công ty mẹ	Thi công	25.000.000	346.602.807
<b>Phải trả khác</b>			<b>14.853.049.049</b>	<b>14.853.049.049</b>
Công ty TNHH BOT đường 188	Công ty liên kết		14.853.049.049	14.853.049.049

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 như sau:

	Hoạt động Xây lắp	Hoạt động khác	Kinh doanh Dự án BOT	Tổng
Doanh thu thuần	742.456.239.122	65.507.487.790	23.560.713.250	831.524.440.162
Giá vốn	709.749.940.665	44.776.035.044	12.763.651.676	767.289.627.385
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>32.706.298.457</b>	<b>20.731.452.746</b>	<b>10.797.061.574</b>	<b>64.234.812.777</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	32.706.298.457	20.731.452.746	10.797.061.574	64.234.812.777
Doanh thu tài chính				3.286.819.161
Chi phí tài chính				(32.193.925.163)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				3.272.620.496
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng				(31.298.977.320)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD				(201.436.781)
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(929.684.152)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>6.170.229.018</b>

**TÔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**  
Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 như sau (Trình bày lại):

*Đơn vị tính: VND*

	Hoạt động Xây lắp	Hoạt động khác	Kinh doanh Dự án BOT	Tổng
Doanh thu	609.873.187.481	60.024.373.726	52.436.237.290	722.333.798.497
Giá vốn	565.720.440.026	50.884.337.281	30.109.379.792	646.714.157.099
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>44.152.747.455</b>	<b>9.140.036.445</b>	<b>22.326.857.498</b>	<b>75.619.641.398</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	44.152.747.455	9.140.036.445	22.326.857.498	75.619.641.398
Doanh thu tài chính				6.520.728.611
Chi phí tài chính				(35.145.710.819)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				-
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng				(30.457.650.479)
Lợi nhuận khác				351.514.960
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(1.869.530.893)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>15.018.992.778</b>

**TÔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

				<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Hoạt động Xây lắp	Hoạt động khác	Kinh doanh Dự án BOT	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Công nợ phải thu	1.051.483.875.034	119.366.880.549	39.714.808.444	1.210.565.564.027
Tài sản cố định			278.012.375.408	278.012.375.408
Tài sản không phân bổ				1.032.728.964.460
<b>Tổng tài sản</b>				<b>2.521.306.903.895</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Công nợ phải trả	859.779.436.818	19.583.303.093	168.827.912.566	1.048.190.652.477
Nợ phải trả không thể phân bổ				832.129.543.119
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.880.320.195.596</b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận ngày 01 tháng 01 năm 2024 như sau:

	Hoạt động Xây lắp	Hoạt động khác	Kinh doanh Dự án BOT	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Công nợ phải thu	1.122.861.032.287	91.625.823.713	35.244.582.444	1.249.731.438.444
Tài sản cố định			278.012.375.408	278.012.375.408
Tài sản không thể phân bổ				1.290.316.075.767
<b>Tổng tài sản</b>				<b>2.818.059.889.619</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Công nợ phải trả	1.092.051.598.264	19.838.143.345	224.310.988.952	1.336.200.730.561
Nợ phải trả không thể phân bổ				846.778.993.366
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>2.182.979.723.927</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh hợp nhất liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Minh Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Dịu

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2024  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hà

